TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1170/2023/QĐST-VDS	*TP.Thủ Đức, ngày 21 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v tuyên bố một người mất tích

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Nguyên Hà

Thư ký phiên họp: Bà Trương Thị Giang, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Trần Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 564/2022/TLST-VDS ngày 17 tháng 6 năm 2022 về việc "Tuyên bố một người mất tích" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 1416/2023/QĐST-VDS ngày 06 tháng 4 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Huỳnh Hữu N, sinh năm: 1981

Địa chỉ: số nhà 41 đường A, khu phố B, phường C, thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn Tín, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Số 5 đường V, khu đô thị X, phường Y, thành phố Z, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 25 tháng 5 năm 2022, bản tự khai và tại phiên họp người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu ông Phạm Văn T trình bày:

Ông Huỳnh Hữu N và bà Phạm Thị Kim L là vợ chồng, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hiệp Phú, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 03/6/2010. Trong quá trình chung sống, ông N và bà L có hai người con chung tên Huỳnh Ngọc Gia H, sinh ngày 26/8/2010 và Huỳnh Hữu T, sinh ngày

04/7/2012. Sau khi kết hôn, ông N và bà L cư trú tại địa chỉ 41 đường A, khu phố B, phường C, thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2018 thì có nảy sinh mâu thuẫn do kinh tế khó khăn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nữa. Đến cuối năm 2018, bà L bỏ nhà đi không thông báo cho ông N biết. Ông N đã liên hệ với gia đình bà L và tìm kiếm khắp nơi nhưng không có tin tức gì của bà L, không biết bà L đang ở đâu, làm gì. Cha, mẹ của bà L là ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị L1 đã chết. Để thuận lợi trong việc làm thủ tục ly hôn, ông N yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh tuyên bố bà Phạm Thị Kim L, sinh ngày 24/4/1984, nơi cư trú cuối cùng 41 đường A, khu phố B, phường C, thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh mất tích. Phần quản lý tài sản của bà Phạm Thị Kim L, ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn yêu cầu, Tòa án đã ban hành quyết định thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích. Đã kết thúc thời hạn thông báo tìm kiếm mà vẫn không có tin tức về bà Phạm Thị Kim L. Do đó, Tòa án mở phiên họp xét đơn yêu cầu.

Tại phiên họp, người đại diện theo ủy quyền cho người yêu cầu ông Phạm Văn T giữ nguyên yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán giải quyết việc dân sự, thư ký phiên họp, người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự: Thẩm phán chấp hành đúng quy định theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự quy định tại Điều 366 Bộ luật Tố tụng dân sự, cần rút kinh nghiệm. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết việc dân sự: Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Hữu N, tuyên bố bà Phạm Thị Kim L mất tích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp,Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Huỳnh Hữu N yêu cầu tuyên bố bà Phạm Thị Kim L mất tích thì yêu cầu của

ông Huỳnh Hữu N là yêu cầu về dân sự "Tuyên bố một người mất tích", được quy định tại Khoản 3 Điều 27 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

Căn cứ Trích lục kết hôn bản sao số 630/TLKH-BS ngày 29/10/2018 do Ủy ban nhân dân phường C, quận 9 (nay là thành phố Z), Thành phố Hồ Chí Minh cấp có cơ sở xác định ông Huỳnh Hữu N và bà Phạm Thị Kim L là vợ chồng hợp pháp. Do ông N là chồng của bà L nên ông N có quyền yêu cầu Toà án tuyên bố bà L mất tích.

Bà Phạm Thị Kim L có hộ khẩu tại thành phố Thủ Đức, nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 35, Điểm b Khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của người yêu cầu, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do người yêu cầu cung cấp và Tòa án thu thập được có cơ sở xác định: Ông Huỳnh Hữu N và bà Phạm Thị Kim L là vợ chồng, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận 9 (nay là thành phố Z), Thành phố Hồ Chí Minh (theo Trích lục kết hôn bản sao số 630/TLKH-BS ngày 29/10/2018). Từ năm 2018 cho đến nay, ông N và gia đình đã nhiều lần tìm kiếm bằng nhiều cách nhưng vẫn không có tin tức của bà Phạm Thị Kim L đang ở đâu, làm gì. Nay ông Huỳnh Hữu N yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Phạm Thị Kim L mất tích để tiến hành thủ tục ly hôn theo quy định của pháp luật.

Theo kết quả xác minh của Công an phường C, thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh thì "Nhân khẩu Phạm Thị Kim L có hộ khẩu thường trú tại 41 đường A, khu phố B, phường C, thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng nhân khẩu không có mặt tại địa phương từ năm 2018, hiện tại đang ở đâu không rõ, không liên lạc được".

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "Khi một người biệt tích 02 năm liền trở lên,…không có tin tức xác thực về việc người đó còn sống hay đã chết…thì Tòa án có thể tuyên bố người đó mất tích". "…, nếu không xác định được ngày có tin tức cuối cùng thì thời hạn này được tính từ ngày đầu tiên của tháng tiếp theo tháng có tin tức cuối cùng, nếu không xác định được ngày, tháng có tin tức cuối cùng thì thời hạn này được tính từ ngày đầu tiên của năm tiếp theo năm có tin tức cuối cùng".

Do xác định năm mất tích của bà Phạm Thị Kim L là năm 2018, nên cần lấy thời điểm này để tính ngày bà L mất tích là ngày đầu tiên của năm tiếp theo năm có tin tức cuối cùng, tức là ngày 01/01/2019.

Từ những nhận định trên, Tòa án xét thấy có đủ cơ sở và căn cứ pháp lý chấp nhận đơn yêu cầu của ông Huỳnh Hữu N tuyên bố bà Phạm Thị Kim L, sinh năm 1984 mất tích.

Phần quản lý tài sản của bà Phạm Thị Kim L thì ông N không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Hữu N là phù hợp, đúng quy định nên chấp nhận.

[3] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Huỳnh Hữu N phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo luật định là 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 27; điểm a Khoản 2 Điều 35; điểm b Khoản 2 Điều 39; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 387; Điều 388 và Điều 389 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Hữu N.

Tuyên bố bà Phạm Thị Kim L, sinh năm 1984, nơi cư trú cuối cùng 41 đường A, khu phố B, phường C, thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh, mất tích.

Phần quản lý tài sản của bà Phạm Thị Kim L, Tòa án không xem xét.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Ông Huỳnh Hữu N phải chịu 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng ông N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0027854 ngày 15/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông N đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: "Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TANDTP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- THA DS TP.Thủ Đức;
- UBND phường C, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(đã ký)

Trần Nguyên Hà